

Số: 2964/QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch thanh tra
năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-TTCP ngày 23 tháng 4 năm 2014 của Thanh tra Chính phủ quy định việc xây dựng, phê duyệt định hướng chương trình thanh tra, kế hoạch thanh tra;

Căn cứ Quyết định số 872/QĐ-BTNMT ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Kế hoạch thanh tra năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch thanh tra năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 872/QĐ-BTNMT ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (*Nội dung điều chỉnh, bổ sung theo Danh mục đính kèm*).

Điều 2. Giao Chánh Thanh tra Bộ chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ kiểm tra, đôn đốc và tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Thủ trưởng các đơn vị quản lý nhà nước trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thanh tra Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ: Tài chính, Xây dựng, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế;
- Các Thứ trưởng;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Thanh tra các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, TTr (PB15).

BỘ TRƯỞNG



Trần Hồng Hà

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH THANH TRA NĂM 2018

(Đính kèm Quyết định số 2964 /QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. CÁC NỘI DUNG THANH TRA KHÔNG THỰC HIỆN TRONG NĂM 2018

| STT | Nội dung | Đối tượng | Địa điểm | Lý do | Ghi chú |
|-----------|---|---|--|---|---------|
| I | Thanh tra Bộ | | | | |
| | Thanh tra hành chính | | | | |
| | Thanh tra trách nhiệm việc chấp hành chính sách, pháp luật, nhiệm vụ được giao; công tác phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm chống lãng phí của một số đơn vị trực thuộc Bộ | Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam | Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và một số tỉnh, thành phố khác | Trùng với kế hoạch của Kiểm toán Nhà nước | |
| | | Tổng cục Môi trường | Hà Nội, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh và một số tỉnh, thành phố khác | Trùng với kế hoạch của Kiểm toán Nhà nước | |
| II | Tổng cục Môi trường | | | | |
| 1 | Thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực phía Bắc | Đối tượng cụ thể tại Phụ lục 01 đính kèm | Cao Bằng | Được nêu tại Phụ lục 01 đính kèm | |
| | | | Hà Giang | | |
| | | | Hòa Bình | | |
| | | | Nam Định | | |
| | | | Thái Bình | | |
| | | | Hà Nội, Yên Bái | | |
| 2 | Thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực miền Trung và Tây Nguyên | Đối tượng cụ thể tại Phụ lục 02 đính kèm | Quảng Nam | Được nêu tại Phụ lục 02 đính kèm | |
| | | | Đà Nẵng | | |
| 3 | Thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực phía Nam | Đối tượng cụ thể tại Phụ lục 03 đính kèm | Bến Tre, TP. Hồ Chí Minh | Được nêu tại Phụ lục 03 đính kèm | |

| STT | Nội dung | Đối tượng | Địa điểm | Lý do | Ghi chú |
|------------|--|--|--|----------------------------------|---------|
| III | Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam | | | | |
| 1 | Thanh tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động khoáng sản | Đối tượng cụ thể tại Phụ lục 04 đính kèm | Thanh Hóa, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế | Được nêu tại Phụ lục 04 đính kèm | |
| 2 | Kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra, thông báo kết quả kiểm tra các đối tượng đã được thanh tra, kiểm tra các năm 2015, 2016, 2017 | | Ninh Thuận | Các cơ sở đang dừng hoạt động | |
| IV | Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam | | | | |
| | Thanh tra công tác quản lý tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (đối với đơn vị có chức năng quản lý nhà nước) và việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ ven biển) | Đối tượng cụ thể tại Phụ lục 05 đính kèm | Nghệ An | Được nêu tại Phụ lục 05 đính kèm | |
| V | Cục Quản lý tài nguyên nước | | | | |
| 1 | Thanh tra việc thực hiện vận hành điều tiết của các hồ chứa quy định tại các Quy trình vận hành liên hồ chứa đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành; việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước trong việc tuân thủ các nội dung quy định của Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt đối với một số hồ chứa thủy điện, thủy lợi trên các lưu vực sông | Đối tượng cụ thể tại Phụ lục 06 đính kèm | Lưu vực sông: Vu Gia - Thu Bồn, Ba (Đắk Lắk, Kon Tum, Quảng Nam) | Được nêu tại Phụ lục 06 đính kèm | |
| 2 | Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước trong việc tuân thủ các nội dung quy định của Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt đối với một số hồ chứa thủy điện, thủy lợi | Đối tượng cụ thể tại Phụ lục 06 đính kèm | Lai Châu | Được nêu tại Phụ lục 06 đính kèm | |

B. CÁC NỘI DUNG THANH TRA ĐIỀU CHỈNH TRONG NĂM 2018

| STT | Nội dung đã được phê duyệt | Nội dung điều chỉnh | Ghi chú |
|----------|---|--|---------|
| I | Tổng cục Môi trường | | |
| 1 | Thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực phía Bắc | <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh thời gian thực hiện tại Cao Bằng, Hòa Bình, Hà Nội, Yên Bái từ Quý III sang Quý III-IV; - Điều chỉnh thời gian thực hiện tại Hà Giang từ Quý II-III sang Quý III-IV; - Điều chỉnh thời gian thực hiện tại Nam Định từ Quý II sang Quý III-IV; - Điều chỉnh thời gian thực hiện tại Thái Bình từ Quý I-II sang Quý III-IV; - Điều chỉnh đối tượng thanh tra tại Phụ lục 07 đính kèm. | |
| 2 | Thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực miền Trung và Tây Nguyên | Điều chỉnh đối tượng thanh tra tại Phụ lục 07 đính kèm | |
| 3 | Thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực phía Nam | <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh thời gian thực hiện tại Bình Phước từ Quý II sang Quý III-IV; - Điều chỉnh thời gian thực hiện tại Bến Tre, Bình Dương, Hậu Giang, Sóc Trăng từ Quý II-III sang Quý III-IV; - Điều chỉnh thời gian thực hiện tại Tây Ninh từ Quý III sang Quý III-IV; - Điều chỉnh đối tượng thanh tra tại Phụ lục 07 đính kèm. | |

C. CÁC NỘI DUNG THANH TRA BỔ SUNG TRONG NĂM 2018

| STT | Nội dung | Đối tượng | Địa điểm | Thời gian | Ghi chú |
|-----------|---|---|--|------------|---|
| I | Thanh tra Bộ | | | | |
| 1 | Thanh tra hành chính | | | | |
| | Thanh tra trách nhiệm việc chấp hành chính sách, pháp luật, nhiệm vụ được giao; công tác phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm chống lãng phí của một số đơn vị trực thuộc Bộ | Liên đoàn Vật lý Địa chất trực thuộc Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam | Hà Nội và một số tỉnh, thành phố khác | Quý III-IV | Bổ sung đối tượng thanh tra thay thế cho các đối tượng không thực hiện trong năm 2018 |
| | | Liên đoàn Bán đồ Địa chất miền Nam trực thuộc Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam | TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai và một số tỉnh, thành phố khác | Quý III-IV | |
| 2 | Thanh tra đột xuất việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong việc nhập khẩu phế liệu trên địa bàn toàn quốc | Phối hợp với các đơn vị và các địa phương có liên quan khảo sát và xác định đối tượng cụ thể trước khi triển khai | | Quý III-IV | Theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ |
| II | Tổng cục Môi trường | | | | |
| 1 | Thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực phía Bắc | Bổ sung các đối tượng thanh tra theo Danh sách tại Phụ lục 08 đính kèm | Cao Bằng, Yên Bái, Hà Giang, Thái Bình | Quý III-IV | Lồng ghép với nội dung: Thanh tra đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường kênh Bắc Hưng Hải, sông Nhuệ, sông Châu Giang và sông Duy Tiên |
| | | | Hòa Bình, Nam Định, Hà Nội | Quý III-IV | |

| STT | Nội dung | Đối tượng | Địa điểm | Thời gian | Ghi chú |
|------------|--|--|--|------------|--|
| 2 | Thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực phía Nam | Bổ sung các đối tượng thanh tra theo Danh sách tại Phụ lục 09 đính kèm | Bình Dương | Quý III-IV | |
| | | | Tây Ninh | Quý III-IV | |
| 3 | Thanh tra đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường kênh Bắc Hưng Hải, sông Nhuệ, sông Châu Giang và sông Duy Tiên | Bổ sung các đối tượng thanh tra theo Danh sách tại Phụ lục 08 đính kèm | Hà Nam, Ninh Bình, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương | Quý III-IV | |
| 4 | Thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở xử lý chất thải nguy hại | Bổ sung các đối tượng thanh tra theo Danh sách tại Phụ lục 10 đính kèm | Hà Nội, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Bắc Giang, Lạng Sơn, Phú Thọ, Quảng Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Tiền Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Trà Vinh và An Giang | Quý III-IV | Lồng ghép với các nội dung thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được phê duyệt tại Quyết định số 872/QĐ-BTNMT ngày 20/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| III | Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam | | | | |
| | Thanh tra công tác quản lý tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (đối với đơn vị có chức năng quản lý nhà nước) và việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ ven biển) | Đối tượng cụ thể tại Phụ lục 11 đính kèm | Nghệ An | Quý II-III | Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam đã tổ chức khảo sát và thống nhất với đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường |

Phụ lục 01: Danh sách đối tượng không thực hiện thanh tra năm 2018 nội dung: Thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực phía Bắc

(Đính kèm Danh mục Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch thanh tra năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại Quyết định số 2961/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức (cá nhân) | Địa điểm | Ghi chú |
|-----------|---|--|--|
| I | Tỉnh Hòa Bình | | |
| 1 | Công ty TNHH Phú Mỹ - Hòa Bình (Nhà máy chế biến tinh bột sắn) | Phong Phú, Mỹ Hòa, Tân Lạc, Hòa Bình | Đề nghị giảm do trùng tên với Công ty Cổ phần Cồn và tinh bột Phú Mỹ |
| II | Tỉnh Nam Định | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex (KCN Bảo Minh) Tên hiện nay: Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng KCN Bảo Minh | Lô L1 đường D1 khu Công nghiệp Bảo Minh, km số 10 quốc lộ 10, Xã Liên Minh, Huyện Vụ Bản, Nam Định | Bộ TN&MT đã điều chỉnh kế hoạch thanh tra năm 2018 tại Công văn số 1886/BTNMT-TTr ngày 16/4/2018, trong đó thống nhất Bộ TN&MT không tiến hành thanh tra |
| 2 | Công ty Phát triển và Khai thác hạ tầng Khu công nghiệp tỉnh Nam Định (Chủ đầu tư KCN Hoà Xá) | Lô 11 Đường Phạm Ngũ Lão, KCN Hòa Xá, thành phố Nam Định | |
| 3 | Khu công nghiệp Bảo Minh - Công ty Cổ phần đầu tư Vinatex | Xã Liên Minh, xã Liên Bảo và xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định | |
| 4 | Công ty Cổ phần quản lý KCN Việt Nam - Nhật Bản (KCN Mỹ Trung) | Thành phố Nam Định và huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định | Sở TN&MT tỉnh Nam Định đề xuất điều chỉnh giảm do dự án không được triển khai |
| 5 | Công ty Cổ phần đầu tư Vinatex (KCN Bảo Minh và KCN dệt may Rạng Đông) Tên hiện nay: Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Rạng Đông | KCN Bảo Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định; Thị trấn Rạng Đông, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định | Sở TN&MT tỉnh Nam Định đề xuất điều chỉnh giảm do dự án chưa triển khai xây dựng |
| 6 | Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Dệt may Rạng Đông | Thị trấn Rạng Đông, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định | Sở TN&MT tỉnh Nam Định đề xuất điều chỉnh giảm do trùng tên và dự án chưa triển khai xây dựng |
| 7 | Nhà máy nhiệt điện BOT Nam Định 1 (công suất 2x660 MW) | Xã Hải Ninh và xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định | Sở TN&MT tỉnh Nam Định đề xuất điều chỉnh giảm do dự án chưa triển khai xây dựng |

Phu

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức (cá nhân) | Địa điểm | Ghi chú |
|------------|---|---|---|
| 8 | Dự án Nhiệt điện Nam Định 1-2*600MW | Xã Hải Châu và Hải Ninh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định | Sở TN&MT tỉnh Nam Định đề xuất điều chỉnh giảm do dự án chưa triển khai xây dựng |
| III | Thành phố Hà Nội | | |
| 1 | Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Việt Hà (Chủ đầu tư Khu cụm công nghiệp Phú Minh) | Phường Phú Diễn, quận Từ Liêm, Tp. Hà Nội | Chi cục BVMT đề xuất không thanh tra do Đơn vị đang thực hiện Kết luận thanh tra về môi trường và đất đai của thành phố |
| 2 | Nhà máy Bia Đông Nam Á | số 167B đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội | Chi cục BVMT đề xuất không thanh tra do đang di dời |
| 3 | Công ty Cổ phần giấy Trúc Bạch Hà Nội | Cầu Bươu, Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Tp. Hà Nội | Chi cục BVMT đề xuất không thanh tra do không hoạt động sản xuất giấy, hiện đang cho thuê nhà xưởng |
| IV | Tỉnh Cao Bằng | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng | Thị trấn Tà Nùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng | Sở TN&MT tỉnh Cao Bằng đề xuất giảm do dừng hoạt động vì hết thời vụ |
| 2 | Công ty Cổ phần Mangan Cao Bằng | Đường Lê Lợi, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng | Sở TN&MT tỉnh Cao Bằng đề xuất giảm do ngừng hoạt động |
| 3 | Chi nhánh Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên - Mỏ sắt Ngườm Cháng Cao Bằng | Xã Dân Chủ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng | |
| 4 | Công ty TNHH MTV Thực phẩm Giai Giai Việt Nam | Thị trấn Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng | Sở TN&MT tỉnh Cao Bằng đề xuất giảm do quy mô nhỏ |
| V | Tỉnh Hà Giang | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Khai thác khoáng sản Điện lực Hà Giang | Khu công nghiệp Bình Vàng, xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang | Sở TN&MT tỉnh Hà Giang đề xuất giảm do ngừng hoạt động |
| 2 | Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác khoáng sản Mê Linh | Số 85 đường Lê Hồng Phong, tổ 22, phường Minh Khai, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | |
| 3 | Công ty Cổ phần Mangan Việt Bắc | Khu công nghiệp Bình Vãng, xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang | |
| 4 | Công ty Cổ phần Luyện kim màu Hà Giang | Khu công nghiệp Bình Vãng, xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang | |
| 5 | Công ty Cổ phần Đầu tư Cao Nguyên Đá | Thôn Tân Lập, xã Ngọc Linh, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang | |

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức (cá nhân) | Địa điểm | Ghi chú |
|------------|--|---|---|
| 6 | Công ty Cổ phần Thiên Hàm | Số 168A, tổ 5, phường Minh Khai, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Sở TN&MT tỉnh Hà Giang đề xuất giảm do ngừng hoạt động |
| 7 | Công ty TNHH Tường Phong | Tổ 4, thị trấn Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang | |
| VI | Tỉnh Thái Bình | | |
| 1 | Công ty TNHH Dệt may Xuất khẩu Thành Công | Số 15, đường Trần Quang Khải, tổ 16, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình | Sở TN&MT tỉnh Thái Bình đề nghị không thanh tra do Tổng cục Môi trường thanh tra năm 2016 và ban hành Kết luận thanh tra số 21/KLTTTr-TCMT ngày 22/02/2017, đơn vị không có vi phạm về BVMT |
| VII | Tỉnh Yên Bái | | |
| 1 | Nhà máy Sản Văn Yên - Công ty Cổ phần Lâm nông sản thực phẩm Yên Bái | Thôn Cầu Khai, xã Mậu Đông, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái | Sở TN&MT tỉnh Yên Bái đề xuất điều chỉnh giảm do cơ sở tạm dừng hoạt động vì hết thời vụ |
| 2 | Công ty Cổ phần năng lượng xanh Dầu khí Toàn Cầu - Dự án "Đầu tư xây dựng công trình Nhà máy sản xuất Ethanol công suất 100.000 m ³ /năm" | Huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái | Sở TN&MT tỉnh Yên Bái đề xuất điều chỉnh giảm do dự án chưa triển khai xây dựng |

pkc

Phụ lục 02: Danh sách đối tượng không thực hiện thanh tra năm 2018 nội dung: Thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực miền Trung và Tây Nguyên

(Đính kèm Danh mục Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch thanh tra năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại Quyết định số 2964/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức (cá nhân) | Địa điểm | Ghi chú |
|-----------|---|--|--|
| I | Tỉnh Quảng Nam | | |
| 1 | Công ty TNHH Vàng Phước Sơn | Khối 7, Thị Trấn Khâm Đức, Huyện Phước Sơn | Điều chỉnh giảm do cơ sở đã ngừng hoạt động |
| II | Thành phố Đà Nẵng | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng (Xí nghiệp Hóa chất Hòa Khánh - Xí nghiệp phân bón và hóa chất Kim Liên) | 53 Lê Hồng Phong, thành phố Đà Nẵng | Điều chỉnh <u>giảm</u> do cơ sở hoạt động cầm chừng, quy mô nhỏ |
| 2 | Công ty Cổ phần Thép Dana Ý | Đường số 11B, Cụm công nghiệp (CCN) Thanh Vinh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, tp Đà Nẵng | Điều chỉnh giảm do chủ trương của Ban thường vụ thành ủy Đà Nẵng sẽ cho dừng hoạt động sản xuất đối với 02 cơ sở này |
| 3 | Công ty Cổ phần Thép Thái Bình Dương (Dana Úc) | Đường số 1, Cụm công nghiệp (CCN) Thanh Vinh mở rộng, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng | |
| 4 | Công ty TNHH Foster's Đà Nẵng - Tập đoàn các nhà máy bia Châu Á Thái Bình Dương | KCN Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu | Điều chỉnh giảm do trùng tên với Công ty trách nhiệm hữu hạn VBL Đà Nẵng |

plu

Phụ lục 03: Danh sách đối tượng không thực hiện thanh tra năm 2018 nội dung: Thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực phía Nam

(Đính kèm Danh mục Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch thanh tra năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại Quyết định số 2914/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức (cá nhân) | Địa điểm | Ghi chú |
|-----------|---|--|--|
| I | Tỉnh Bến Tre | | |
| 1 | Công ty TNHH Chế Biến Thực Phẩm Lê Anh | Lô A14, Khu công nghiệp Giao Long - Huyện Châu Thành - Bến Tre | Sở TN&MT tỉnh Bến Tre đề xuất điều chỉnh giảm do không hoạt động |
| 2 | Công ty TNHH Chế Biến Thủy Sản Thăng Lợi | Xã Bình Thới, Huyện Bình Đại, Bến Tre | |
| 3 | Công ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Huy Thuận | KCN Giao Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre | |
| 4 | Công ty TNHH Chế Biến Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Thanh Bình | Xã Bình Thắng, Huyện Bình Đại, Bến Tre | |
| II | Thành phố Hồ Chí Minh | | |
| 1 | Công ty TNHH Xử lý chất thải Việt Nam (Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Đa Phước) | Xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh | Xử lý chất thải |

plu

Phụ lục 04: Danh sách đối tượng không thực hiện thanh tra năm 2018 nội dung: Thanh tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động khoáng sản

(Đính kèm Danh mục Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch thanh tra năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại Quyết định số 2964 /QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức | Địa điểm | Ghi chú |
|------------|---|---|---|
| I | Tỉnh Thanh Hóa | | |
| 1 | Công ty TNHH Chế biến đá tự nhiên Nam Thái Sơn | Xã Yên Lâm, huyện Yên Định | Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã tiến hành kiểm tra |
| 2 | Cty TNHH XDGTTL Tân Sơn | Xã Yên Lâm, huyện Yên Định | |
| 3 | DN TN Hồng Phụng | Phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn | |
| 4 | Công ty TNHH Xuân Trường | Xã Quý Lộc, huyện Yên Định | |
| II | Tỉnh Quảng Trị | | |
| 1 | Công ty cổ phần đầu tư và khoáng sản VICO Quảng Trị | Xã Hải Xuân, huyện Hải Lăng, Quảng Trị. | Đang tạm dừng khai thác để khắc phục các sai phạm theo kết quả kiểm tra năm 2017 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam |
| 2 | Công ty cổ phần phát triển khoáng sản 4 | Xóm 6, Xã Hưng Lộc, Thành Phố Vinh, Nghệ An | |
| 3 | Công ty cổ phần khoáng sản Hiếu Giang | 32 Lê Quý Đôn TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị | |
| III | Thừa Thiên Huế | | |
| 1 | Công ty TNHH nhà nước 1 thành viên Khoáng sản TTHuế | Ven biển Kế Sung, Phương Diên, Vinh Xuân thuộc các xã Phú Diên, Vinh Xuân, Phú Vang | Đang thực hiện đóng cửa mỏ |
| | | Khu vực thuộc xã Quảng Ngạn và xã Quảng Công, huyện Quảng Điền | Chưa đưa vào khai thác vì công tác giải phóng mặt bằng chậm |

Phụ lục 05: Danh sách đối tượng không thực hiện thanh tra năm 2018 nội dung: Thanh tra công tác quản lý tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (đối với đơn vị có chức năng quản lý nhà nước) và việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ ven biển)

(Đính kèm Danh mục Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch thanh tra năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại Quyết định số 2964/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức | Địa điểm | Ghi chú |
|-----|---|---|--|
| | Nghệ An | | |
| 1 | Công ty TNHH Thanh Thành Đạt | Khu công nghiệp Đông Hội - xã Quỳnh Lộc, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An | Cơ sở dừng hoạt động |
| 2 | Nhà máy xử lý nước thải Khu Công nghiệp Nam Cẩm | Khu B, KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. | Tổng cục Môi trường đã thanh tra năm 2017 và ban hành kết luận năm 2018, Công ty đang thực hiện kết luận thanh tra |
| 3 | Nhà máy xử lý nước thải KCN Bắc Vinh | KCN Bắc Vinh, TP Vinh | Tổng cục Môi trường đã thanh tra năm 2017 và ban hành kết luận năm 2018, Công ty đang thực hiện kết luận thanh tra |

plu

Phụ lục 06: Danh sách đối tượng không thực hiện thanh tra năm 2018 nội dung: Thanh tra việc thực hiện vận hành điều tiết của các hồ chứa quy định tại các Quy trình vận hành liên hồ chứa đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành; việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước trong việc tuân thủ các nội dung quy định của Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt đối với một số hồ chứa thủy điện, thủy lợi

(Đính kèm Danh mục Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch thanh tra năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại Quyết định số 2964/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

| TT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức | Địa điểm | | | Ghi chú (Tên hồ) |
|--------------------------------------|---|---------------------------------------|-------------------------|-----------------|---------------------|
| | | Xã | Huyện | Tỉnh | |
| I | Thanh tra việc thực hiện vận hành điều tiết của các hồ chứa quy định tại các Quy trình vận hành liên hồ chứa đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành | | | | |
| Lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn | | | | | |
| 1 | Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ | Mà Cooli và TT Thạch Mỹ | Nam Giang và Đông Giang | Quảng Nam | Sông Bung 4A |
| Lưu vực sông Ba | | | | | |
| 2 | Công ty cổ phần Sông Ba | Ea Sô, Cư Prao, Ea Bar | M'Đrăk Sông Hinh | Đắk Lắk Phú Yên | Krông H'nh |
| Lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn | | | | | |
| 3 | Công ty cổ phần sông Ba | Phước Ninh | Nông Sơn | Quảng Nam | Khe Diên |
| 4 | Công ty Cổ phần thủy điện GERUCO sông Côn | Sông Côn, Jow Ngây, A Ting và Kà Dăng | Đông Giang | Quảng Nam | Sông Côn 2 |
| 5 | Tổng công ty phát điện 2 (EVN) | La Êê | Nam Giang | Quảng Nam | Sông Bung 2 |
| 6 | Công ty cổ phần thủy điện Hồng Phát Đắk Mek | Đak Choong và Mưong Hoong | Đăk Glei | Kon Tum | Đăk Mek 3 |
| Tỉnh Lai Châu | | | | | |
| 7 | Công ty TNHH thủy điện Nậm Ban 2 | xã Nậm Ban và Xã Trung Chải | Nậm Nhùn | Lai Châu | Nậm Ban 2 |

Phụ lục 07: Danh sách đối tượng thay đổi, điều chỉnh để thực hiện các nội dung thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

(Đính kèm Danh mục Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch thanh tra năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại Quyết định số 2964/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức (cá nhân) | Địa điểm | Ghi chú |
|------------|---|--|--|
| I | Tỉnh Hòa Bình | | |
| 1 | Công ty TNHH Sơn Alex | Xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình | Điều chỉnh tên. Tên cũ là Công ty TNHH MTV Quang Phát Hòa Bình |
| II | Thành phố Hà Nội | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Thương mại Tân Cương (Chủ đầu tư Cụm công nghiệp thị trấn Phùng) | Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, Tp. Hà Nội | Điều chỉnh tên đối tượng. Tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư DIA |
| II | Tỉnh Cao Bằng | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Chế biến khoáng sản-Cao Sơn Hà | Xóm Bản Gùn, xã Ngũ Lão, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng | Điều chỉnh địa chỉ: Địa chỉ cũ là Tổ 22, đường 3/10, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng |
| III | Tỉnh Thái Bình | | |
| 1 | Công ty TNHH May Texhong Việt Nam | Đường Trần Thị Dung, KCN Phúc Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình | Điều chỉnh tên đối tượng, tên cũ là Công ty TNHH May Nien Hsing Việt Nam |
| IV | Tỉnh Quảng Nam | | |
| 1 | Công ty TNHH Nhà máy Bia Heniken Việt Nam - Quảng Nam | Lô 2 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam | Tên cũ trong Quyết định 872/QĐ-BTNMT là Công ty TNHH VBL Quảng Nam |
| 2 | Công ty Cổ phần – Tập đoàn ThaiGroup – Chi nhánh Quảng Nam (Nhà máy xi măng Thành Mỹ) | Thôn Đồng Râm, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang | Tên cũ trong Quyết định 872/QĐ-BTNMT là Công ty Cổ phần xi măng Xuân Thành Group |
| V | Thành phố Đà Nẵng | | |
| 1 | Công ty TNHH Nhà máy Heineken Việt Nam - Đà Nẵng | Đường số 2,3 & 6, Khu công nghiệp Hòa Khánh | Tên cũ trong Quyết định 872/QĐ-BTNMT là Công ty trách nhiệm hữu hạn VBL Đà Nẵng |
| VI | Tỉnh Bình Dương | | |
| 1 | Công ty cổ phần nước và môi trường Bình Dương | Số 11 Ngõ Văn Trị, phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương | Điều chỉnh tên đối tượng. Tên cũ là Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước môi trường Bình Dương |
| 2 | Công ty TNHH xử lý môi trường Sen Vàng | Số 8/2 khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An tỉnh Bình Dương | Điều chỉnh tên đối tượng. Tên cũ là Công ty TNHH Phát triển bền vững An Điền |

pkc

Phụ lục 08: Danh sách đối tượng bổ sung để thực hiện thanh tra năm 2018 nội dung: Thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực phía Bắc

(Đính kèm Danh mục Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch thanh tra năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại Quyết định số 2964/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức (cá nhân) | Địa điểm | Ghi chú |
|------------|---|--|---|
| I | Tỉnh Hòa Bình | | |
| 1 | Công ty TNHH Xi măng Vĩnh Sơn | Xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình | Sở TN&MT tỉnh Hòa Bình đề xuất bổ sung |
| 2 | Trạm nghiên cứu và Phát triển giống lợn hạt nhân Kỳ Sơn - Trung tâm Nghiên cứu lợn Thụy Phương - Viện Chăn nuôi | Xã Dân Hạ, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình | |
| II | Thành phố Hà Nội | | |
| 1 | Công ty TNHH Phụ tùng Xe máy Ô tô Goshi - Thăng Long | Phường Việt Hưng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội | Sở TN&MT Tp. Hà Nội đề xuất bổ sung, cơ sở xả nước thải ra hệ thống kênh Bắc Hưng Hải |
| 2 | Công ty Cổ phần Kim khí Thăng Long | Phường Sài Đồng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội | |
| 3 | Công ty TNHH Giấy Hưng Hà | Xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội | |
| 4 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Sài Đồng (Chủ dự án Vinhomes Riverside) | Phường Phúc Lợi, Việt Hưng, Giang Biên, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội | |
| 5 | Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội | Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Tp. Hà Nội | |
| 6 | Tổng công ty May 10 - Công ty Cổ phần | 765 Nguyễn Văn Linh, Sài Đồng, quận Long Biên, Tp. Hà Nội | |
| 7 | Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Gia Lâm | VP: Số 211 đường Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên; Khu xử lý xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Tp Hà Nội | |
| 8 | Chi nhánh Công ty TNHH NGK Cocacola tại Hà Nội | Km17, Quốc lộ 1A, xã Duyên Thái, huyện Thường Tín, TP Hà Nội | |
| III | Tỉnh Cao Bằng | | |
| 1 | Công ty Đầu tư và Xây dựng Hồng Điệp | Xã Trung Vương, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng | Sở TN&MT tỉnh Cao Bằng đề xuất bổ sung |
| 2 | Doanh nghiệp vận tải Hồng Dũng | Xã Trung Vương, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng | |
| 3 | Công ty TNHH Thương mại Thái Trường | Xã Trung Vương, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng | |

10/10

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức (cá nhân) | Địa điểm | Ghi chú |
|------------|---|--|---|
| IV | Tỉnh Hà Giang | | |
| 1 | Công ty TNHH Xuân Thiện Hà Giang | Số 395 đường Nguyễn Trãi, tổ 10, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Số TN&MT tỉnh Hà Giang đề xuất bổ sung |
| 2 | Tổng Công ty CP Thương mại xây dựng (VIETTRACIMEX) | Số 201 phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội | |
| V | Tỉnh Yên Bái | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái - Nhà máy xi măng | Tổ 15, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái | Số TN&MT tỉnh Yên Bái đề xuất bổ sung |
| 2 | Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình - Nhà máy xi măng Yên Bình | Tổ 5, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái | |
| 3 | Công ty Cổ phần Thịnh Đạt | Tổ 5, phường Trung Tâm, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái | |
| 4 | Công ty TNHH Đá Cẩm Thạch RK Việt Nam | Xã Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái | |
| VI | Tỉnh Bắc Ninh | | |
| 1 | Công ty Cổ phần KCN Khai Sơn | Xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh | Cơ sở có lưu lượng thải $\geq 200 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, có hoạt động xả thải trực tiếp hoặc gián tiếp ra kênh Bắc Hưng Hải |
| 2 | Công ty TNHH Phát triển nhà đất Shun -Par | Thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh | |
| 3 | Công ty Cổ phần môi trường Thuận thành | Xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh | |
| VII | Tỉnh Hưng Yên | | |
| 1 | Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng dệt may Phố Nối | KCN Phố Nối B, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên | Cơ sở có lưu lượng thải $\geq 200 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, có hoạt động xả thải trực tiếp hoặc gián tiếp ra kênh Bắc Hưng Hải |
| 2 | Công ty TNHH Hoya Glass Disk VN II | KCN Thăng Long II, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên | |
| 3 | Công ty TNHH Kyocera | KCN Thăng Long II, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên | |
| 4 | Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc | Thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên | |
| 5 | Chi nhánh công ty cổ phần ACECOOK Việt Nam tại Hưng Yên | Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | |
| 6 | Công ty Cổ phần thực phẩm xuất khẩu Trung Sơn | Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | |
| 7 | Công ty TNHH in và sản xuất bao bì Thiên Hà | Xã Bạch Sam, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên | |
| 8 | Công ty Cổ phần Tribeco Miền Bắc | Thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên | |
| 9 | Công ty TNHH JP Corelex Việt Nam | KCN Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | |
| 10 | Công ty Quản lý khai thác khu công nghiệp Phố Nối A | KCN Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | |

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức (cá nhân) | Địa điểm | Ghi chú |
|-------------|--|---|---|
| 11 | Công ty TNHH sản xuất phụ tùng ô tô xe máy Việt Nam (VAP) | Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | Cơ sở có lưu lượng thải $\geq 200 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, có hoạt động xả thải trực tiếp hoặc gián tiếp ra kênh Bắc Hưng Hải |
| 12 | Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Công nghiệp và Môi trường Việt Nam | Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | |
| 13 | Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ Bia rượu nước giải khát Hà Nội | KCN Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | |
| 14 | Công ty Cổ phần giấy Thanh Long | Xã Thanh Long, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên | Cơ sở hoạt động trong lĩnh vực sản xuất giấy có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao |
| 15 | Công ty TNHH Nhuộm và giặt thời trang Quốc tế | Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | Cơ sở hoạt động trong lĩnh vực giặt mài có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao |
| VIII | Tỉnh Hải Dương | | |
| 1 | Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang | Khu Công nghiệp Nam Sách, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương | Cơ sở có lưu lượng thải $\geq 200 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, có hoạt động xả thải trực tiếp hoặc gián tiếp ra kênh Bắc Hưng Hải |
| | KCN Tân Trường | Xã Tân Trường và Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương | |
| | KCN Phúc Điền | Xã Cẩm Phúc và Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương | |
| 2 | Công ty cổ phần Đại An (Chủ đầu tư KCN Đại An và KCN Đại An mở rộng) | Khu công nghiệp Đại An - thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương | |
| 3 | Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Quốc Pháp | CCN Tân Hồng, xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương | |
| 4 | Công ty TNHH giấy Panta | Xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương | |
| 5 | Công ty TNHH Thăng Lợi | Xã Văn Tố, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương | |
| 6 | Công ty TNHH Lục Nam | CCN Tân Hồng, xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương | Cơ sở hoạt động trong lĩnh vực tái chế nhựa, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao |
| 7 | Công ty cổ phần Tiến Long | CCN Tân Hồng, xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương | |
| IX | Tỉnh Ninh Bình | | |
| 1 | Trạm Nghiên cứu và Phát triển Giống lợn hạt nhân Tam Điệp | Xã Quang Sơn, TP. Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình | Sở TN&MT tỉnh Ninh Bình đề xuất thanh tra tại Công văn số 823/STNMT-BVMT ngày 20/4/2018 |
| 2 | Công ty Cổ phần Thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao | Phường Trung Sơn, TP. Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình | |
| 3 | Công ty TNHH Công nghiệp Chian Shyang Việt Nam | KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình | |

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức (cá nhân) | Địa điểm | Ghi chú |
|----------|---|--|---|
| 4 | Công ty TNHH Chang Xin (Vietnam) | KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình | Sở TN&MT tỉnh Ninh Bình đề xuất thanh tra tại Công văn số 823/STNMT-BVMT ngày 20/4/2018 |
| 5 | Nhà máy Đạm Ninh Bình | Lô C6, C8, KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình | |
| 6 | Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp ô tô Thành Công | KCN Gián Khẩu, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình | |
| 7 | Công ty TNHH Okifood Việt Nam | KCN Gián Khẩu, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình | |
| X | Tỉnh Hà Nam | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Bình Mỹ | CCN Trung Lương, xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam | Sở TN&MT tỉnh Hà Nam đề xuất |
| 2 | Công ty TNHH Thăng Linh | Xã An Ninh, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam | |
| 3 | Công ty TNHH lợn giống Dabaco | Xã Nhân Chính, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam | |
| 4 | Công ty TNHH May Kim Bình | CCN Kim Bình, TP. Phủ Lý, tỉnh Hà Nam | |
| 5 | Công ty TNHH Dệt Đai Nguyễn | KCN Đồng Văn II, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam | |
| 6 | Công ty TNHH Dayeon Bijou VN | KCN Đồng Văn I, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam | |
| 7 | Công ty TNHH Naria Vina | KCN Đồng Văn I, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam | |
| 8 | Công ty TNHH mỹ nghệ Shine | KCN Đồng Văn I, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam | |
| 9 | Công ty TNHH trang sức Việt Nam-Sunny | KCN Đồng Văn I, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam | |
| 10 | Công ty TNHH Youme Việt Nam | KCN Đồng Văn I, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam | |
| 11 | Công ty TNHH First Young Products INC | KCN Đồng Văn I, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam | |
| 12 | Công ty TNHH Naria Vina | Xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam | |

Phụ lục 09: Danh sách đối tượng bổ sung để thực hiện thanh tra năm 2018 nội dung: Thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực phía Nam
(Đính kèm Danh mục Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch thanh tra năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại Quyết định số 2964/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức (cá nhân) | Địa điểm | Ghi chú |
|-----------|--|---|--|
| I | Tỉnh Tây Ninh | | |
| 1 | Công ty cổ phần xử lý phế liệu-rắn Việt Nam | Cụm Công nghiệp Hoà Hội, ấp Bồ Lớn, xã Hoà Hội, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh | Điều chỉnh tăng, Sở TN&MT tỉnh Tây Ninh đề xuất do cử tri phản ánh nhiều lần về khí thải, bụi và mùi hôi |
| II | Tỉnh Bình Dương | | |
| 1 | CN Công ty cổ phần thuốc sát trùng Vn – Nhà máy thuốc nông dược Bình Dương | Thị xã Dĩ An, Bình Dương | Điều chỉnh tăng do Sở TN&MT tỉnh Bình Dương đề xuất. |
| 2 | Công ty TNHH OCI VN | Thị xã Dĩ An, Bình Dương | |
| 3 | Công ty TNHH Polytex Fax Easten | Thị xã Dĩ An, Bình Dương | |

Phúc

Phụ lục 10: Danh sách đối tượng bổ sung để thực hiện thanh tra năm 2018 nội dung: Thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở xử lý chất thải nguy hại
(Đính kèm Danh mục Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch thanh tra năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại Quyết định số 2964/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức (cá nhân) | Địa điểm | Ghi chú |
|------------|---|--|---------|
| I | Thành phố Hà Nội | | |
| 1 | Công ty TNHH Văn Đạo | VP- số 01 phố Phụng, Biên Giang, Tp Hà Đông, Hà Nội | |
| | | CS- Xưởng mỡ Phụng | |
| | | Địa chỉ: Cụm công nghiệp Biên Giang, Tp Hà Đông, Hà Nội | |
| 2 | Công ty TNHH Công nghệ Hoá dược và Hoá sinh hữu cơ | VP- Nhà 2C, Khu công nghệ cao, số 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội | |
| | | CS- Nhà 2C, Khu công nghệ cao, số 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội | |
| 3 | Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và | Số 246 đường Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, Hà Nội | |
| 4 | Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị môi trường 13 - URENCO 13 | VP: Số 246 đường Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, Hà Nội | |
| | | CS: Cơ sở xử lý chất thải y tế Tây Mỗ. | |
| | | Địa chỉ: Phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. | |
| II | Tỉnh Vĩnh Phúc | | |
| 5 | Công ty TNHH Song Tinh | VP&CS - Phố Xuân Mai I, Phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, Vĩnh Phúc | |
| III | Tỉnh Thái Nguyên | | |
| 6 | Công ty TNHH Dịch vụ Môi trường Anh | VP&CS: Xóm Quyết Tiến 2, thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên | |
| 7 | Công ty liên doanh Kim loại màu Việt | VP&CS - CCN nhỏ Diêm Thụy, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên | |
| IV | Tỉnh Quảng Ninh | | |
| 8 | Công ty TNHH Một thành viên Môi trường - TKV | VP: Km4 đường Trần Phú, phường Cẩm Thủy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh | |
| | | CS: Nhà máy xử lý và tái chế chất thải công nghiệp nguy hại | |
| | | Địa chỉ: Khu vực N99 Khe Tam, xã Dương Huy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh | |
| V | Tỉnh Hưng Yên | | |
| 9 | Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 - URENCO 11 | VP: Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | |
| | | CS: Công ty CP môi trường đô thị và công nghiệp 11-URENCO 11 | |
| | | Địa chỉ: Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | |
| | | Trạm trung chuyển số 1 (thuê của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Dujun): | |
| | | Địa chỉ kho lưu giữ: Xã Tân Quang, huyện Văn lâm, tỉnh Hưng Yên | |

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức (cá nhân) | Địa điểm | Ghi chú |
|------|--|---|---------|
| 10 | Công ty TNHH Ngọc Thiên | Thôn Đông Mai, Xã Chỉ Đạo, Huyện Văn Lâm, Chỉ Đạo, Văn Lâm, Hưng Yên | |
| 11 | Công ty TNHH Anh Tường | VP&CS: Thôn Phan Bôi, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên | |
| | | CS: Nhà máy sản xuất đồ nhôm, inox gia dụng và gạch không nung | |
| 12 | Công ty TNHH Matsuda Sangyo | VP&CS: Lô E-1b, Khu công nghiệp Thăng Long II, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên | |
| VI | Tỉnh Hải Dương | | |
| 13 | Công ty Cổ phần công nghệ Môi trường An Sinh | VP:Lô 62.28, đường An Dương Vương, khu đô thị Nam Cường | |
| | | CS: Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp | |
| | | Địa chỉ: Thôn Phong Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương | |
| 14 | Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường | VP: Khu tập thể Z176 B, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội | |
| | | CS: CN Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường tại Hải Dương | |
| | | Địa chỉ: Lô CN 33-34, CCN Phú Thứ, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, Hải Dương | |
| | | Trạm trung chuyển Nhà Bè: Số 267/4, Nguyễn Bình, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Tp Hồ Chí Minh | |
| 15 | Công ty TNHH Khai thác, Chế biến, Xuất nhập khẩu khoáng sản Việt Nam | VP: số 113E Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội | |
| | | CS: CCN Phú Thứ, Thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương | |
| VII | Thành phố Hải Phòng | | |
| 16 | Công ty TNHH Tân Thuận Phong | VP&CS- Km8, quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, Tp Hải Phòng | |
| 17 | Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Hải Phòng | VP: Số 01 Lý Tự Trọng, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng | |
| | | CS: Nhà máy xử lý chất thải rắn thuộc Khu liên hợp xử lý chất thải Trảng Cát | |
| | | Địa chỉ: Phường Trảng Cát, quận Hải An, thành phố Hải Phòng | |
| 18 | Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ kho vận Phú Hưng | VP: Số 49 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng | |
| | | CS: Chi nhánh Công ty Cổ phần thương mại và Dịch vụ kho vận Phú Hưng - Nhà máy xử lý chất thải Minh Tân | |
| | | Địa chỉ: Khu đầm Ao La, xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng | |
| VIII | Tỉnh Nam Định | | |
| 19 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Kỹ thuật | VP&CS: Đường D1, Lô M2&M3, Khu công nghiệp Hòa Xá, Nam Định | |

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức (cá nhân) | Địa điểm | Ghi chú |
|-------------|--|--|---------|
| IX | Tỉnh Nghệ An | | |
| 20 | Chi nhánh Công ty cổ phần Galax Nghệ An | VP: Xóm 4, xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An | |
| | | CS: Khu liên hợp xử lý và tái chế chất thải rắn ECOVI | |
| | | Địa chỉ: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An | |
| 21 | Công ty Cổ phần Xử lý môi trường Nghệ | VP&CS: Xóm 9, xứ Đồng Kỵ, xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An | |
| X | Tỉnh Quảng Nam | | |
| 22 | Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Quảng Nam | VP: Số 781 Phan Chu Trinh, phường Hòa Hương, thành phố Tam Kỳ tỉnh Quảng Nam. | |
| | | CS: Chi nhánh Xử lý chất thải nguy hại | |
| | | Địa chỉ: xã Tam Xuân II, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam | |
| XI | Tỉnh Bình Định | | |
| 23 | Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Quy Nhơn | VP: Số 40 Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn, Bình Định | |
| | | CS: Xí nghiệp Quản lý và Chế biến rác thải – Chi nhánh Công ty Cổ phần MTĐT Quy Nhơn | |
| | | Địa chỉ: thôn Thanh Long, xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định | |
| XII | Tỉnh Khánh Hòa | | |
| 24 | Công ty Cổ phần Môi trường Khánh | VP&CS: Thôn Ninh Ích, xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa | |
| XIII | Thành phố Hồ Chí Minh | | |
| 25 | Xí nghiệp Dịch vụ Xây lắp và Thương mại Petrolimex Sài Gòn | VP- 15 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh | |
| | | CS- Xưởng xử lý chất thải cặn dầu | |
| | | Tổng kho xăng dầu Nhà Bè, khu phố 6, thị trấn Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh | |
| 26 | Công ty TNHH Khoa học Công nghệ Môi trường Quốc Việt | VP- 27 Hoàng Dur Khương, P.12, Q.10, Tp Hồ Chí Minh | |
| | | CS- Nhà máy tái chế chất thải nguy hại | |
| | | Địa chỉ: đường số 14, khu tiểu thủ công nghiệp Lê Minh Xuân, ấp 1, xã Tân Nhứt, huyện Bình Chánh, Tp Hồ Chí Minh | |
| 27 | Doanh nghiệp tư nhân Sản xuất Thương mại Tùng Nguyên | VP- Lô B1, đường số 9, KCN Lê Minh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh | |
| | | CS- VP- Lô B1, đường số 9, KCN Lê Minh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh | |

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức (cá nhân) | Địa điểm | Ghi chú |
|------------|--------------------------------------|--|---------|
| XIV | Tỉnh Đồng Nai | | |
| 28 | Công ty TNHH Đại Lam Sơn | VP&CS: Đường số 9 KCN Tam Phước, Tp Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai | |
| | | CS: Nhà máy tái chế nhớt thải | |
| 29 | Công ty TNHH Daewon Chemical | VP&CS: Đường số 5, KCN Long Thành, Tam An, Long Thành, Đồng Nai | |
| 30 | Công ty cổ phần Môi trường Sonadezi | VP: Số 12 Huỳnh Văn Nghệ, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai | |
| | | CS: Cơ sở xử lý chất thải y tế | |
| | | Địa chỉ: Nghĩa trang nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | |
| XV | Bình Phước | | |
| 31 | Công ty TNHH MTV Cao Gia Quý | VP&CS- Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước | |
| 32 | Doanh nghiệp tư nhân Mỹ Nga | VP: Số C5/24 khu dân cư Thuận Giao, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, Bình Dương | |
| | | CS: Nhà máy xử lý, tái chế chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại | |
| | | Địa chỉ: Xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước | |
| XVI | Tỉnh Trà Vinh | | |
| 33 | Công ty TNHH MTV Môi trường Trà Vinh | VP: Ấp Cây Da, xã Tập Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh | |
| | | CS: Công ty TNHH MTV Môi trường Trà Vinh | |
| | | Địa chỉ: Ấp Tà Lés, xã Thanh Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh | |

pkc

**Phụ lục 11: Danh sách đối tượng bổ sung để thực hiện thanh tra năm 2018 nội dung:
Thanh tra công tác quản lý tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (đối với đơn
vị có chức năng quản lý nhà nước) và việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài
nguyên, môi trường biển và hải đảo (đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ ven biển)**

*(Đính kèm Danh mục Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch thanh tra năm 2018 của Bộ Tài nguyên và
Môi trường ban hành tại Quyết định số 2964/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức (cá nhân) | Địa điểm | Ghi chú |
|-----|---|--|--|
| | Nghệ An | | |
| 1 | Công ty TNHH Việt Úc - Nghệ An | Xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Lưu | Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam đã tổ chức khảo sát và thống nhất với đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 2 | Công ty TNHH chế biến phụ phẩm thủy sản Xuri Việt Trung | Xã Diễn Hùng, huyện Diễn Châu | |
| 3 | Công ty TNHH một thành viên Hoa sen Nghệ An | Khu công nghiệp Đông Hội, xã Quỳnh Lập, thị xã Quỳnh Mai | |